TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN PHÚ ĐÔNG** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 79/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 24-5-2022
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ ĐÔNG, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thơm.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Đương.

Ông Trần Văn Danh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phùng Anh Thy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 24 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 21/2022/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2022 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 32/2022/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị Trúc D, sinh năm 1983 (Vắng mặt);
Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn:* Anh Châu Minh P, sinh năm 1979 (Vắng mặt);
Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn ly hôn và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lê Thị Trúc D trình bày:

- Về hôn nhân: Chị D và anh Châu Minh P tự nguyện tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T vào ngày 04/02/2016. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc. Đến năm 2020, anh chị phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh P không biết chăm lo kinh tế gia đình, chị D đã khuyên can nhưng anh P không sửa đổi mà còn đánh đập chị D nhiều lần. Mâu thuẫn kéo dài đến năm 2022 thì càng trầm trọng nên vợ chồng đã sống ly thân. Nhận thấy tình cảm không còn, chị D yêu cầu ly hôn với anh P.

- Về con chung: Chị D và anh P có 01 con chung là cháu Châu Minh H, sinh ngày 19/3/2018. Khi ly hôn, chị D yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu H và không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Ngoài ra, chị D không còn yêu cầu gì khác.

Bị đơn anh Châu Minh P đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, nhưng anh P không đến Tòa án và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị D có đơn xin được vắng mặt, bị đơn anh P vắng mặt không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Lê Thị Trúc D yêu cầu ly hôn với anh Châu Minh P và yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung nên đây là "Tranh chấp ly hôn và nuôi con" được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh Châu Minh P có nơi cư trú tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Lê Thị Trúc D có đơn xin vắng mặt, bị đơn anh Châu Minh P đã được triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt chị D, anh P.

[3] Về hôn nhân: Chị D và anh P chung sống trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 08 ngày 04/02/2016 nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Quá trình chung sống, giữa chị D và anh P xảy ra mâu thuẫn kéo dài không tự hàn gắn được. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập để tiến hành hòa giải nhằm hàn gắn tình cảm giữa hai bên nhưng anh P vẫn vắng mặt không lý do, điều đó chứng tỏ anh P không mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng, không còn quan tâm đến hôn nhân giữa anh với chị D.

Thấy rằng, giữa chị D và anh P không có sự quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình, nên cần xác định tình trạng mâu thuẫn giữa chị D và anh P đã trầm trọng, hạnh phúc hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị D là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Chị D và anh P có 01 con chung là cháu Châu Minh H, sinh ngày 19/3/2018. Khi ly hôn, chị D yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu H. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt thông báo thụ lý vụ án cho anh P trong đó có nêu rõ yêu cầu về con chung của chị D, nhưng anh P không thể hiện ý kiến của mình đối với việc nuôi con chung.

Do anh P vắng mặt nên không có sự thỏa thuận với chị D về việc nuôi con chung. Hội đồng xét xử thấy rằng, để tạo điều kiện thuận lợi, đảm bảo cho sự phát triển bình thường của cháu H nên cần thiết giao cháu cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng. Nếu sau này chị D và anh P có tranh chấp về việc nuôi dưỡng con chung sẽ được xem xét giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị D không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Chị D trình bày không có và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Chị D là nguyên đơn nên phải chịu án phí không có giá ngạch đối với yêu cầu ly hôn theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 1, khoản 3 Điều 228 và Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị Trúc D, chị D được ly hôn với anh Châu Minh P.

2. Về con chung: Giao cháu Châu Minh H, sinh ngày 19/3/2018 cho chị Lê Thị Trúc D trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh P không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh P có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai có quyền cản trở.

3. Về án phí: Chị D phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0008126 ngày 14/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú Đông, nên chị D đã nộp xong án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Chị D, anh P được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

5. Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Tân Phú Đông;
- Chi cục THADS huyện Tân Phú Đông;
- UBND xã T;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thơm